

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 381/2019/DS-PT

Ngày: 27/10/2019

V/v: “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Hồng

Ông Mai Tiến Dũng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 318/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019 DS-ST, ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 353/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1972 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Số 37 phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Căn hộ số A tầng 8 tháp B dự án tháp nhà ở cao tầng Mỹ Đình, Tổ dân phố 8, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T và ông H là bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 197; địa chỉ: 179 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành

phố Hà Nội (*Theo Hợp đồng uỷ quyền công chứng số 2018 ngày 6/4/2019 tại Văn phòng Công chứng Gia Khánh. Bà Kiều có mặt tại phiên tòa*).

Bị đơn:

Bà Nguyễn Phương H, sinh năm 1959 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: P1509 Tòa nhà 17T8 khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Châu Thành N và bà Trần Thị L, Luật sư Công ty Luật TNHH Khai Phong thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Theo văn bản uỷ quyền số 019/2019/KPLC ngày 11/11/2019; ông N và bà L đều có mặt tại phiên tòa);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Toàn Cầu Vietpol

Địa chỉ: P604 Tòa nhà 17T8 khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Phương H (vắng mặt)

2. Ông Trần Doãn Th(*vắng mặt*)

Địa chỉ: P1509 Tòa nhà 17T8 khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Th: Ông Châu Thành N và bà Trần Thị L, Luật sư Công ty Luật TNHH Khai Phong thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Theo văn bản uỷ quyền số 020/2019/KPLC ngày 11/11/2019; ông N và bà L đều có mặt tại phiên tòa);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đồng nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Lệ T và bà Nguyễn Phương H là chị em họ hàng cùng làm ăn với nhau nên nhiều lần bà T và ông Nguyễn Văn H (nguyên đơn) góp vốn cùng làm ăn với bà H (bị đơn). Cách thức mà nguyên đơn góp vốn đầu tư cùng bị đơn như sau: Bà H thông báo với nguyên đơn là có dự án có thể đầu tư với lợi nhuận tốt, cần góp với số tiền để nhận được số mét vuông sàn xây dựng căn hộ. Sau đó nguyên đơn(hai người, mỗi người đóng góp 50%) đã nộp tiền cho bà H để bà H tự làm việc với các chủ đầu tư, chủ dự án, nguyên đơn không trực tiếp làm việc với chủ đầu tư, chủ dự án nào mà chỉ làm việc với bà H, nộp tiền cho bà H để bà H trực tiếp ký kết hợp đồng và làm việc với chủ đầu tư. Vì là chỗ

thân quen nên giữa ông H, bà T thống nhất làm việc, nộp tiền, chốt công nợ với bà H có thể do ông H hoặc bà T đứng ra ký kết, giao tiền, chốt công nợ.

Sau khi chủ đầu tư phân chia sản xây dựng căn hộ thì bà H lại tự bán và trả lại vốn đầu tư gốc và phân chia lợi nhuận cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã góp tiền để bà H đi đầu tư cho một số dự án, đã bán đi và phân chia lợi nhuận với nhau.

Kết thúc mỗi dự án, bà H đều nợ lại nguyên đơn một khoản tiền và đều cam kết về thời gian trả nợ.

Ngày 23.10.2009, ông Nguyễn Văn H ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vietpol số 01/12/HĐHT về việc góp vốn đầu tư dự án Golden Palace, giá trị hợp đồng là 38.400.000.000 đồng. Việc góp vốn được thực hiện theo từng giai đoạn của hợp đồng.

Ngày 22.10.2009, bà Nguyễn Thị Lệ T ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vietpol số 03/2009/HĐHT về việc góp vốn đầu tư dự án Golden Palace, giá trị hợp đồng là 120.042.400.000 đồng. Việc góp vốn được thực hiện theo từng giai đoạn của hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, các bên đã thống nhất phương thức góp vốn cho hai hợp đồng trên như sau:

- Ông H và bà T gửi vào tài khoản của Công ty Vietpol số tiền: 44.031.600.000 đồng (bốn mươi bốn tỷ, không trăm ba mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Số tiền còn lại bà Nguyễn Phương H có trách nhiệm khấu trừ vào số tiền của các dự án khác giữa hai bên còn tồn đọng lại, cụ thể : dự án Hàm Nghi (thành phố Xanh), số tiền nguyên đơn được nhận lại là: 24.000.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ đồng); tiền bán 767 m² sản căn hộ N04, số tiền nguyên đơn được hưởng là: 11.186.757.400 đồng (mười một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Ban đầu, bà H xác nhận đã nộp toàn bộ số tiền 79.218.357.400 đồng của nguyên đơn theo 02 hợp đồng trên vào dự án. Tuy nhiên, nguyên đơn tìm hiểu và được biết, Công ty Vietpol chỉ nộp 58.691.678.150 đồng (44.031.600.000 đồng và 14.660.078.150 đồng khấu trừ từ các khoản nợ của bà H của các dự án). Số tiền còn lại bà H còn nợ, bà H chưa nộp vào Công ty Vietpol cho nguyên đơn để thực hiện hai hợp đồng nói trên. Do vậy, giữa hai bên đã nhiều lần gặp gỡ để xác nhận công nợ, cụ thể, bà H phải sang tên hợp đồng góp số tiền này cho nguyên đơn với chủ

đầu tư và bà H đã thực hiện, đồng thời, nguyên đơn và bà H cũng đồng ý chuyển nhượng 5 căn hộ đã góp vốn trong dự án N04, phần của bà H được hưởng là 8.517.461.500 đồng (tám tỷ, năm trăm mười bảy triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm đồng) được khấu trừ vào khoản tiền 79.218.357.400 đồng. Do vậy, số tiền còn lại cụ thể như sau:

79.218.357.400 đồng – 58.691.678.150 đồng – 8.517.461.500 đồng = 12.009.217.750 đồng.

Số tiền 12.009.217.750 đồng này đã được nguyên đơn và Bà H chốt trong biên bản ngày 02/12/2016.

Đối với hai Hợp đồng đã ký với Công ty Vietpol, ngày 24/4/2014 ông H, bà T, bà H và Công ty Vietpol đã cùng thống nhất thanh lý hai hợp đồng nêu trên. Số tiền bà H xác nhận còn nợ lại 12.009.217.750 đồng là của cá nhân bà H chiếm dụng vốn nên đó là khoản nợ cá nhân của bà H với nguyên đơn không liên quan đến Công ty Vietpol.

Phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà H phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ nêu trên nhưng bà H không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Phương H phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền 12.009.217.750 đồng theo *Biên bản thỏa thuận ngày 02.12.2016*.

Bị đơn bà Nguyễn Phương H và Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà Nguyễn Phương H không có giao dịch nào với bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn H về dự án N04 và dự án Golden Palace. Số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán không liên quan gì đến bị đơn; bị đơn không nhận của nguyên đơn số tiền mà nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, bà Nguyễn Phương H có đơn đề nghị Tòa án xem xét:

1. Đơn khởi kiện của nguyên đơn không đúng theo mẫu số 23-DS ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13.01.2017 của Hội đồng Thẩm phán.

2. Nguyên đơn trong vụ kiện gồm 02 người không có quan hệ vợ chồng, không có quan hệ sở hữu chung tài sản. Các nguyên đơn khởi kiện đòi bà phải trả hơn 12 tỷ đồng, nhưng không xác định mỗi người đòi bao nhiêu. Bà Nguyễn Thị Lệ T không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà đã vi phạm nghĩa vụ đối với bà Nguyễn Thị Lệ T theo điểm g, khoản 4 Điều 5, Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo quy định tại các Điều 4, 5, 6 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị Lệ T không có quyền khởi kiện.

3. Chứng cứ Tòa án thu thập từ cơ quan điều tra và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện các quan hệ dân sự xuất phát từ nguyên đơn với Công ty cổ phần Vietpol do bà làm người đại diện theo pháp luật, chứ không phải quan hệ cá nhân. Do vậy, theo quy định tại Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn không có quyền khởi kiện đối với cá nhân bà.

4. Nguyên đơn không gửi đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn là trái với quy định tại khoản 9, Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện là trái với Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T và bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Toàn Cầu Vietpol và ông Trần Doãn Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nhưng Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Toàn Cầu Vietpol và ông Trần Doãn Th không có ý kiến gì.

Tại bản án số 06/2019/DS - ST ngày 11/6/2019 Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Lệ T.

Buộc bà Nguyễn Phương H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền theo văn bản thoả thuận ngày 02.12.2016 là: 12.009.217.750 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân đã nhận được đơn kháng cáo của bị đơn - bà Nguyễn Phương H, kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Vietpol không có đơn kháng cáo, tuy nhiên có văn bản đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá nội dung vụ án đề nghị, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được; căn cứ vào trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Phương H có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Về căn cứ xác định nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Căn cứ vào Biên bản thoả thuận ngày 02/12/2016, được ký kết giữa bà Nguyễn Phương H và ông Nguyễn Văn H, nội dung Biên bản thoả thuận:

“Phần ý kiến của bà H trình bày: Theo các chứng từ của bên A (bà H) nộp tiền cho Công ty Invecon và Công ty Mai Linh thì đến thời điểm hiện nay, số vốn

bên A đang tồn đọng tại 02 đơn vị này là: - Công ty Invecon 7.200.146.300đồng...; - Công ty Mai Linh 1.560.000.000đồng...; Vì vậy toàn bộ số tiền bên B (ông H) góp vốn vẫn đang tồn đọng tại hai đơn vị trên.

Phần ý kiến của ông H trình bày: Theo biên bản làm việc được ký giữa hai bên thì khoản tiền góp vốn của bên B vào Dự án N04 và Dự án Golden Palace mà bên A phải trả là 12.009.217.750đồng. Bên B (ông H) đề nghị bên A (bà H) thanh toán số tiền này, trường hợp còn vướng mắc với Công ty Mai Linh và Công ty Invecon thì hai bên cùng phối hợp giải quyết.

Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất:

Bên A sẽ tạm chuyển số tiền 6.000.000.000 đồng cho bên B bằng quyền sử dụng đất tại dự án Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng với giá 4.500.000 đồng/m² (bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn”. Trong thời hạn đến ngày 14.12.2016 hai bên sẽ vào Đà Nẵng hoặc nhờ Công chứng tại Đà Nẵng ra Hà Nội để ký hợp đồng chuyển nhượng chính thức.

Bên B sẽ chi trả chi phí để lấy sổ đỏ tại chủ đầu tư, chi phí công chứng, khoản thuế và chi phí để thực hiện thủ tục sang tên cho bên B.

Hai bên thống nhất cùng phối hợp với nhau để làm việc với chủ đầu tư dự án N04 - Công ty Invecon và Chủ đầu tư dự án Golden Palace – Công ty Mai Linh để đòi lại số tiền của bên A.”

Quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng ông H, bà T góp vốn đầu tư và chuyển tiền thông qua Công ty Vietpol, bà H không xác nhận khoản nợ nêu trên vì không có giao dịch dân sự với ông H; Trong đơn kháng cáo bà H trình bày, bà ký Biên bản thoả thuận với tư cách là đại diện cho Công ty Vietpol, không phải với tư cách cá nhân nên bản án sơ thẩm xử là không đúng với thực tế...

Xem xét đối với *Biên bản thoả thuận ngày 02/12/2016* được ký kết giữa bà H và ông H, nội dung Biên bản thể hiện bà H xác nhận số tiền ông H góp vốn hiện đang bị tồn đọng tại Công ty Invecon và Công ty Mai Linh mà bà H đã nộp tiền vào đầu tư để được hưởng lợi nhuận. Số tiền còn nợ 12.009.217.750 đồng ông H yêu cầu bà H phải thanh toán, bà H đồng ý và cam kết thực hiện một phần nghĩa vụ trước là tạm chuyển số tiền 6.000.000.000đồng theo yêu cầu của ông H.

Xét thấy, *Biên bản thoả thuận 2/12/2016* được ký kết giữa bà H và ông H đều ký với tư cách cá nhân, khi lập Biên bản thoả thuận bà H không ghi tư cách là

đại diện cho Công ty Vietpol do vậy Công ty Vietpol không liên quan đến khoản tiền 12.009.217.750 đồng bà H đã xác nhận nợ với ông H. Ông H và bà H cùng xác nhận chữ ký của mình trong Biên bản thoả thuận ngày 02/12/2016 mà không có ai phản đối, điều đó thể hiện ý chí tự nguyện của các bên khi ký kết Biên bản.

Việc bà H không xác nhận số tiền còn nợ nêu trên vì không có giao dịch với ông H, tuy nhiên bà H không đưa ra được căn cứ để phủ nhận đối với nội dung đã thoả thuận với ông H tại Biên bản lập ngày 02/12/2016. Do vậy, có cơ sở xác định Biên bản thoả thuận lập ngày 02/12/2016 giữa ông H và bà H phù hợp với điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự 2005, các bên tham gia ký kết có quyền và nghĩa vụ phải thực hiện.

2.2 Đối với việc bà H cho rằng quan hệ đồng nguyên đơn (ông H, bà T) không phải là vợ chồng, không có quan hệ sở hữu chung về tài sản nên ông H, bà T không có quyền khởi kiện đối với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà T đều trình bày, bà T, ông H cùng nhau góp vốn để đưa cho bà H đầu tư vào một số dự án và cùng hưởng lợi nhuận. Số tiền 12.009.217.750 đồng là khoản tiền bà H hiện còn nợ lại bà T và ông H sau khi đã đối trừ đối với khoản tiền mà bà T, ông H đưa tiền cho bà H để nộp tiền đầu tư vào các dự án. Đây là tài sản chung của ông H, bà T không liên quan đến vợ ông H và chồng của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Huyền Tâm là vợ ông H và ông Phan Chiến Thắng là chồng bà T cũng có văn bản xác nhận số tiền trên là tài sản riêng của ông H và bà T không liên quan đến bà Tâm và ông Thắng nên ông H, bà T có toàn quyền quyết định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được từ cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội nhận thấy, lời khai của bà H tại cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội (*Bản tường trình và Biên bản làm việc ngày 24/7/2012, BL 96 - 99*), bà H xác nhận còn nợ ông H và bà T số tiền nêu trên sau khi khấu trừ các khoản nợ, đồng thời cam kết sẽ trả cho ông H, bà T trong vòng 40 ngày kể từ ngày 24.7.2012. Căn cứ vào lời khai của bà H tại cơ quan điều tra và trình bày của ông H, bà T về số tiền bà H còn nợ nêu trên thấy phù hợp với văn bản thoả thuận ngày 02.12.2016. Do vậy, mặc dù trong Biên bản thoả thuận lập ngày 2/12/2016 chỉ có ông H và bà H ký xác nhận với nhau nhưng có cơ sở xác định bà H còn nợ đối với ông H và bà

T số tiền 12.009.217.750 đồng. Số tiền này cũng được ông H, bà T xác nhận là tài sản chung của hai ông bà nên ông H và bà T đều có quyền khởi kiện đối với bà H để đòi lại khoản tiền nêu trên.

Đối với các Hợp đồng hợp tác đầu tư ông H, bà T ký kết với Công ty Việt Pol, theo ông H, bà T trình bày là đã được thanh lý hết không có liên quan gì (BL 37, 317). Tại cơ quan điều tra bà Nguyễn Phương H có lời khai xác nhận (*BL91. Phòng CSĐT CAHN lập Biên bản ghi lời khai của bà H ngày 24/7/2013*), giữa Công ty Vietpol và ông H, bà T đã chấm dứt việc đầu tư góp vốn thông qua Công ty Vietpol để khai thác dự án Golden Place. Giữa các bên không còn vướng mắc gì liên quan đến các dự án này.

Do vậy xác nhận khoản nợ nêu trên không liên quan đến Công ty Vietpol nên Công ty Vietpol không có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa Công ty Vietpol vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án Công ty Vietpol không có ý kiến gì, sau khi xét xử sơ thẩm không có đơn kháng cáo, tuy nhiên tại giai đoạn phúc thẩm Công ty Vietpol có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không đúng quy định pháp luật.

Như đã phân tích ở nội dung nêu trên thấy không có căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Công ty Vietpol với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

3. *Về án phí*: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên bị đơn bà Nguyễn Phương H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, 274, 280, 281, 357 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Lệ T về yêu cầu đòi tài sản (là tiền) đối với bà Nguyễn Phương H.

2. Buộc bà Nguyễn Phương H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền theo văn bản thoả thuận ngày 02.12.2016 là: 12.009.217.750đồng.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Phương H phải chịu 120.009.218 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006058 ngày 01/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân. Số tiền án phí bà H còn tiếp tục phải nộp là 120.009.218đồng.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Lệ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 60.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0005145 ngày 15.8.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. *Về hướng dẫn thi hành án dân sự:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam